

CÔNG TY TNHH XNK THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH HỒNG PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XNK THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH HỒNG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110374590

3. Ngày thành lập: 01/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 21, ngách 79/56 ngõ 445 đường Nguyễn Khang, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983765140

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ đấu giá)	4610
7.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn đồ trang sức bằng vàng, bạc, đá quý	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng, tre, nứa, gỗ cây, gỗ chế biến (gỗ có nguồn gốc hợp pháp), kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, xi măng, thạch cao, ngói, đá, cát, sỏi, vật liệu	4663
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
15.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh. Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
17.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ tư vấn tài chính, chứng khoán, kế toán, pháp luật)	6619
18.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
19.	Bán buôn tổng hợp (trừ hàng hóa nhà nước cấm)	4690
20.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
21.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
22.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
23.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
24.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
25.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
26.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
27.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
28.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
29.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
30.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
31.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
32.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
33.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
34.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023(Chính)
35.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
36.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
37.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hoá lỏng khí để vận chuyên)	4933
38.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
39.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
40.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
41.	Xây dựng công trình điện	4221
42.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
43.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
44.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
45.	Xây dựng công trình thủy	4291

46.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
47.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
48.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
49.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
50.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
51.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ trang sức bằng vàng, bạc, đá quý và đá bán quý; Bán lẻ hàng lưu niệm hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ sản phẩm điêu khắc	4773

6. Vốn điều lệ: 3.600.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	THÁI NGỌC THÀNH	Việt Nam	Thôn Song Khê, Xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.800.000.000	50,000	001080010676	
2	TRẦN THỊ TÌNH	Việt Nam	Xóm 1, Xã Giao Tiến, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	1.800.000.000	50,000	036179001139	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ TÌNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036179001139

Ngày cấp: 16/08/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 1, Xã Giao Tiến, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm 1, Xã Giao Tiến, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội